

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 15-01-2025

V/v: “*Tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản*” và
“*Hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dur Công Thử;**

2. Ông **Lê Văn Hiễn.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐ - DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số X, tổ N, thôn L, xã L, Huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Lê Xuân T, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Xã H, huyện Đ1, tỉnh L.

Theo giấy ủy quyền ngày 14/8/2024 và Hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2024

Bị đơn: Bà Võ Thị C; sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số Q, tổ M, thôn L1, xã L, Huyện Đ, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Chị Vũ Thị Quỳnh V, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Số X, tổ N, thôn L, xã L, Huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị Vũ Thị Quỳnh V: Ông Lê Xuân T, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Xã H, huyện Đ1, tỉnh L, Theo giấy ủy quyền ngày 25/11/2024 và Hợp đồng ủy quyền ngày 18/12/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Huy T; sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số Q, tổ M, thôn L1, xã L, Huyện Đ, tỉnh L.

(Ông T có mặt; bà C, ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc, phía nguyên đơn trình bày:

Do là người cùng địa phương xã L, có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 26/8/2017 bà Võ Thị C mượn của bà Nguyễn Thị L số tiền 170.000.000đ, thời hạn là 42 ngày, thỏa thuận lãi 4.000đ/1.000.000đ/ngày, tuy nhiên chưa trả lãi được cho bà L đồng nào. Ngày 01/9/2017 bà C có gọi điện thoại cho bà L mượn thêm 250.000.000đ, thỏa thuận lãi 4.000đ/1.000.000đ/ngày nhưng chưa trả lãi được đồng nào. Đến ngày 09/9/2017 bà C lại hỏi mượn thêm bà L số tiền 450.000.000đ, cũng thỏa thuận lãi là 4.000đ/1.000.000đ/ngày. 02 giấy sau thỏa thuận vay mấy ngày trả rồi sẽ trả chung với giấy mượn tiền ngày 26/8/2017. Sau khi đến hạn bà C không trả được nợ, bà L đòi thì ngày 17/10/2017 bà C có trả được cho bà L số tiền 20.000.000đ.

Nay phía nguyên đơn xác nhận số tiền 870.000.000đ là bà C mượn tiền của bà L, đã trả được 20.000.000đ, còn nợ lại bà L 850.000.000đ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị C trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 850.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ngoài yêu cầu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Phía bà Võ Thị C tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai đối chất ngày 01/7/2024 bà C trình bày:

Bà có bán cho bà Nguyễn Thị L một lô đất nông nghiệp diện tích 2020m² thuộc thửa 732 tờ bản đồ số 20 xã L với số tiền 850.000.000đ, bà L đưa cho bà làm nhiều lần tiền. Đến ngày 15/5/2018 vợ chồng bà viết giấy giao đất cho bà L. Bà L đồng ý đưa con gái là chị Vũ Thị Quỳnh V đứng tên và có ghi là khi nào bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L trả lại giấy ghi nợ cho bà.

Trong thời gian này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đang thế chấp ngân hàng vay tiền. Bà L đồng ý khi nào lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra sang tên cho bà L thì trả lại giấy ghi nhận tiền.

Vào ngày 01/4/2024 bà có liên lạc với bà L yêu cầu đến văn phòng công chứng để làm thủ tục sang tên nhưng bà L không đồng ý.

Theo bà, số tiền 850.000.000đ là tiền bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L chứ không phải là tiền vay mượn, do đó, bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L.

- Theo bà L, số tiền nợ 850.000.000đ là tiền bà C vay của bà chứ không phải là việc mua đất. Bởi lẽ, bà đã cho bà C vay 870.000.000đ, bà C mới trả được 20.000.000đ. Do đến hạn trả nợ đã lâu, bà C không trả được nợ nên mới đề xuất là

lấy đất cần nợ cho bà. Thời gian đó bà cũng đang nợ một số người khác nên bà C đề xuất là để con gái của bà là Vũ Thị Quỳnh V đứng tên. Bà C đã viết giấy sang nhượng đất và nói chị Vân ký nhận chuyển nhượng để cản trừ, chị Vân đã tự ý ký vào giấy sang nhượng đất trong khi chưa có được sự đồng ý của bà. Thời điểm thỏa thuận cản trừ đất cho khoản vay bà còn đang suy nghĩ, lưỡng lự chưa đồng ý nên chưa ký vào giấy sang nhượng đất.

Bà xác định số tiền 850.000.000đ là tiền bà C vay chứ không phải việc mua đất, nay bà cũng không đồng ý lấy đất cản trừ nợ mà yêu cầu bà C trả tiền cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: chị Vũ Thị Quỳnh V và người đại diện trình bày:

Giữa chị Vân và bà Võ Thị C, ông Võ Huy T từ trước đến nay không có thỏa thuận mua bán, sang nhượng đất nào. Vào khoảng năm 2017 bà Võ Thị C có vay tiền của mẹ chị là bà Nguyễn Thị L nhưng sau đó không trả được nợ. Bà C có đề xuất với bà L là bà C cản trừ diện tích đất 2.020m² đất thuộc thửa 732, tờ bản đồ số 20 xã L đứng tên ông Võ Huy T và bà Võ Thị C để cản trừ số nợ bà C nợ bà L. Ngày 11/5/2018 chị có đi cùng mẹ đến nhà bà C. Khi đến nhà bà C thì bà C có đưa giấy sang nhượng đất ra và bảo chị ký. Bà C nói với chị là ký để làm tin là bà có tài sản và trả nợ cho mẹ chị thì chị có tự ý ký vào giấy sang nhượng đất ngày 11/5/2018 này mà chưa được sự đồng ý của bà L. Chị xác định việc ký vào giấy sang nhượng đất ngày 11/5/2018 chỉ là ý định của bà C cản trừ số nợ 850.000.000đ cho bà L chứ thực chất là không có việc mua bán, sang nhượng đất, Bà C và ông T không hề chuyển nhượng đất cho chị Vân, không giao đất cho chị Vân sử dụng và chị cũng không giao tiền cho bà C, ông T. Việc bà C cản trừ nợ bà L lúc đó cũng chưa đồng ý, do đó chưa ký vào giấy sang nhượng đất. Về phía chị Vân lúc đó bà C năn nỉ thì chị Vân còn trẻ tuổi, chưa hiểu biết nên đã lỡ ký vào giấy. Lúc đó chị Vân chỉ nghĩ là ký vào giấy đó để làm tin là bà C có tài sản và ràng buộc bà C trả nợ cho bà L.

Do đó, nay chị yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 giữa bên chuyển nhượng là ông Võ Huy T, bà Võ Thị C và bên nhận chuyển nhượng là chị đối với diện tích đất 2020m² thuộc thửa 732 tờ bản đồ số 20 xã L.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Võ Thị C và ông Võ Huy T đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời gửi Thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng bà C và ông T vắng mặt. Ông T không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Vũ Thị Quỳnh V thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 giữa bên chuyển nhượng là ông Võ Huy T, bà Võ Thị C và bên nhận chuyển nhượng là chị đối với diện tích đất 2020m² thuộc thửa 732 tờ bản đồ số 20 xã L vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách tố tụng của các đương sự; Bà Võ Thị C, ông Võ Huy T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L; buộc bị đơn bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 850.000.000đ. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Huy T, bà Võ Thị C với chị Vũ Thị Quỳnh V theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 850.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 26/8/2017, 01/9/2017, 09/9/2017 nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Vũ Thị Quỳnh V có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 giữa bên chuyển nhượng là ông Võ Huy T, bà Võ Thị C và bên nhận chuyển nhượng là chị vô hiệu. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại Điều 116, Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Võ Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Huy T (bà C và ông T là bị đơn đối với yêu cầu độc lập của chị Vũ Thị Quỳnh V) có nơi cư trú tại thôn Lạc Bình, xã L, Huyện Đ, tỉnh L, nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Võ Thị C và ông Võ Huy T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt

ông T và bà C theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho bị đơn theo quy định.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Võ Thị C trả số tiền vay còn nợ là 850.000.000đ theo các khoản vay ngày 26/8/2017, 01/9/2017, 09/9/2017. Căn cứ yêu cầu khởi kiện là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp tại bút lục 21, 22, 23 do bà Võ Thị C viết và ký vào ngày 26/8/2017 là 170.000.000đ, ngày 01/9/2017 là 250.000.000đ và ngày 09/9/2017 là 450.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà C xác nhận có nhận có ghi và ký các giấy mượn tiền này. Tuy nhiên, theo bà C, số tiền 850.000.000đ không phải là tiền vay mượn mà là tiền bà bán (chuyển nhượng) 2020m² đất cho bà L. Việc bà L đưa 850.000.000đ là để trả tiền mua đất.

Xét lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, bởi lẽ: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các giấy vay tiền ngày 26/8/2017 thể hiện nội dung: “Tôi là Võ Thị C vay của chị Lan 170.000.000đ, thời gian vay 42ng, thời hạn trả tính đến ngày 13/10”, giấy vay tiền ngày 01/9/2017 thể hiện “Cúc mượn chị Lan 250.000.000đ 1 ngày là 2 ngàn của 1 triệu, tính đến ngày 17/10/17 trả nợ 20 triệu luôn”. Giấy mượn tiền ngày 09/9/2017 “cúc mượn chị Lan 450.000.000đ 1 triệu một ngày 2 ngàn tính đến ngày 13/10/2017”. Như vậy, tổng số tiền các bên giao dịch là 870.000.000đ chứ không phải là 850.000.000đ. Trong 03 giấy mượn tiền này không có nội dung nào thể hiện việc bà L có mua đất hay trả tiền mua đất cho bà C.

Xét về thời hạn vay và thời hạn trả nợ. Theo các giấy mượn tiền thể hiện thời gian vay là ngày 26/8/2017, 01/9/2017, 09/9/2017. Thời hạn trả nợ của số tiền 170.000.000đ và 450.000.000đ là vào ngày 13/10/2017; thời hạn trả nợ của số tiền 250.000.000đ là ngày 17/10/2017. Như vậy cả 03 khoản tiền này đều có thời hạn trả nợ vào tháng 10/2017. Tuy nhiên mãi đến ngày 11/5/2018 mới được ghi giấy sang nhượng đất. Điều đó chứng tỏ rằng, sau khi đến hạn trả nợ, bà C không trả được tiền thì có phương án là sẽ dùng đất trả nợ thay số tiền 850.000.000đ còn nợ lại.

Tại giấy sang nhượng đất ngày 11/5/2018 cũng thể hiện: “khi nào tôi giao giấy chứng nhận thì bà V trả lại giấy nhận nợ”, tại bản phô tô giấy thỏa thuận sang nhượng đất do bà C cung cấp phía dưới chữ ký của chị Vũ Thị Quỳnh V còn có dòng chữ: “giấy nhận nợ Nguyễn Thị L”. Như vậy chứng tỏ là có việc không trả được nợ nên có thỏa thuận lấy đất cần nợ.

Xét về thỏa thuận nhận đất cần trừ khoản nợ vay và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “giấy sang nhượng đất” viết tay ngày 11/5/2018:

Phía chị Vân và người đại diện xác nhận ngày 11/5/2018 chị có đến nhà bà C cùng với bà L. Bà C có đưa cho chị giấy sang nhượng đất để chị ký nhận sang nhượng. Giấy được viết thành hai bản, chị giữ một bản và vợ chồng bà C giữ một bản. Tuy ký giấy sang nhượng đất nhưng thực tế giữa chị và vợ chồng bà C không có thỏa thuận mua bán, sang nhượng đất nào; chị không giao tiền cho bà C, bà C

cũng không giao đất cho chị, mà chỉ là việc bà C muốn cản trừ số nợ 850.000.000đ cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị L. Tại thời điểm bà C đưa ra phương án dùng đất trả tiền nợ thì mẹ chị là bà L chưa đồng ý, về phía chị thì khi đó chị còn trẻ tuổi, chưa có hiểu biết, thấy bà C năn nỉ chị ký vào giấy để làm tin trả nợ cho mẹ chị thì chị đã ký vào giấy sang nhượng. Do không có thỏa thuận chuyển nhượng đất, không có việc giao tiền và giao đất nào nên phía chị Vân yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “giấy sang nhượng đất” viết tay ngày 11/5/2018/ vô hiệu.

Từ các chứng cứ của vụ án cho thấy, việc viết giấy sang nhượng đất ngày 11/5/2018 nhằm mục đích là để bà C cản trừ khoản nợ 850.000.000đ cho bà L, thực tế giữa bà C, ông T và bà L, chị Vân không có việc mua bán, sang nhượng đất nào. Bà C không hề giao đất cho chị Vân cũng như bà L. Bà L và chị Vân cũng không giao tiền nhận chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà C.

Tại thời điểm thỏa thuận cản trừ đất cho khoản nợ 850.000.000đ, bà L chưa đồng ý thỏa thuận nhận đất cản trừ cho số nợ 850.000.000đ. Phía bà C cũng không chứng minh được đây là số tiền bán đất cũng như không chứng minh được việc bà L đã đồng ý nhận đất cản trừ nợ.

Theo xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì diện tích đất 2020m² thửa 732, tờ bản đồ số 20 xã L vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị C và ông Võ Huy T.

Từ những căn cứ trên xác định việc bà Võ Thị C có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 870.000.000đ, đã trả được 20.000.000đ và còn nợ lại 850.000.000đ là có thật, còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 giữa bà Võ Thị C, ông Võ Huy T và chị Vũ Thị Quỳnh V là giao dịch giả tạo, mục đích nhằm cản trừ khoản nợ vay 850.000.000đ của bà C nợ bà L (Thỏa thuận này bà L cũng không đồng ý).

Đối với thỏa thuận lãi vay, theo giấy vay tiền ngày 26/8/2017 không thể hiện lãi suất, giấy vay tiền ngày 01/9/2017 và 09/9/2017 thể hiện lãi suất là 2.000đ/1.000.000đ/ ngày. Theo lời trình bày của bà L thì các bên thỏa thuận lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày nhưng bà C chưa trả được cho bà L đồng lãi nào. Phía bà C cũng không chứng minh được là đã trả được tiền lãi cho bà L. Phía bà L nay chỉ yêu cầu bà C trả lại tiền nợ gốc, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến khoản tiền lãi.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Vũ Thị Quỳnh V là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 850.000.000đ là đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Quỳnh V tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 đối với diện tích 2020m² đất thuộc thửa 732 tờ

bản đồ số 20 xã L giữa ông Võ Huy T, bà Võ Thị C và chị Vũ Thị Quỳnh V là vô hiệu.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.2]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Võ Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho bà L theo quy định của pháp luật. Buộc bà Võ Thị C, ông Võ Huy T phải chịu án phí đối với việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 116, 124, 131, Điều 463, 466, 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Võ Thị C. Buộc bị đơn bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 850.000.000 đồng (*tám trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Vũ Thị Quỳnh V đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị C, ông Võ Huy T với chị Vũ Thị Quỳnh V. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng bà Võ Thị C, ông Võ Huy T với bên nhận chuyển nhượng chị Vũ Thị Quỳnh V theo giấy viết tay “giấy sang nhượng đất” ngày 11/5/2018 đối với diện tích 2020m² thửa 732 tờ bản đồ số 20 xã L vô hiệu.

3. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị C phải chịu 37.500.000đ (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí

dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.750.000đ (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002497 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ.

Buộc bà Võ Thị C và ông Võ Huy T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vũ Thị Quỳnh V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Vân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002583 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L và chị Vũ Thị Quỳnh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thị C và ông Võ Huy T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh L;
- VKS huyện Đ;
- THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc

